

Số: 914/QĐ - CĐYT

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Công nhận tốt nghiệp cho

**sinh viên ngành Cao đẳng Dược chính quy khóa 12 – Niên khóa 2022 – 2025 (Đợt 3),
ngành Cao đẳng Dược chính quy khóa 11 – Niên khóa 2021 – 2024 (Đợt 5), ngành
Cao đẳng Điều dưỡng chính quy khóa 13 – Niên khóa 2021 – 2024 (Đợt 3), ngành
Cao đẳng Điều dưỡng chính quy khóa 14 – Niên khóa 2022 – 2025 (Đợt 2)
(Đào tạo theo tín chỉ)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh xã hội ban hành Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của UBND Thành phố Hà Nội về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Công văn số 837/CĐYTHĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018 của trường Cao đẳng Y tế Hà Đông về việc thực hiện Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-CĐYT ngày 31 tháng 8 năm 2022 của trường Cao đẳng y tế Hà Đông về việc ban hành quy chế đào tạo trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên ngành Cao đẳng Dược chính quy khóa 12 – Niên khóa 2022 – 2025 (Đợt 3), ngành Cao đẳng Dược chính quy khóa 11 – Niên khóa 2021 – 2024 (Đợt 5), ngành Cao đẳng Điều dưỡng chính quy khóa 13 – Niên khóa 2021 – 2024 (Đợt 3), ngành Cao đẳng Điều dưỡng chính quy khóa 14 – Niên khóa 2022 – 2025 (Đợt 2) (Đào tạo theo tín chỉ) ngày 17 tháng 12 năm 2025;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Quản lý khoa học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cho 20 sinh viên (có danh sách kèm theo). Cụ thể như sau:

+ 08 sinh viên ngành Cao đẳng Dược chính quy khóa 12 – Niên khóa 2022 – 2025 (Đợt 3).

+ 02 sinh viên ngành Cao đẳng Dược chính quy khóa 11 – Niên khóa 2021 – 2024 (Đợt 5);

+ 02 sinh viên ngành Cao đẳng Điều dưỡng chính quy khóa 13 – Niên khóa 2021 – 2024 (Đợt 3);

+ 08 sinh viên ngành Cao đẳng Điều dưỡng chính quy khóa 14 – Niên khóa 2022 – 2025 (Đợt 2).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3: Các ông bà Trưởng phòng chức năng, các bộ môn và các học sinh, sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 1, 3;
- Lưu VT, ĐT & QLKH.


HIỆU TRƯỞNG

Ts. Nguyễn Đăng Trường



DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA 12 (XÉT ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số 914/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 12 năm 2025)

Áp dụng thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 (Đào tạo theo tín chỉ)

TT	Lớp sinh hoạt	Họ và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vi sinh - Kỹ sinh trùng	Giải phẫu sinh lý	Hóa phân tích	Pháp luật	Tiếng Anh cơ bản	Tin học	Hóa sinh	Bệnh học	Thực vật dược	Dược lý 1	Hoá Dược	Dược lý 2	Dược liệu	Bào chế 1	Chính trị	GDQP-AN	Thực tế ngành 1 (trạm y tế Xã phường)	Dược lâm sàng	Bào chế 2	Giáo dục thể chất	Thống kê y Dược	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản lý kinh tế dược	Kiểm nghiệm	Thực tế ngành 2 (Bệnh viện)	Pháp chế dược	Đảm bảo chất lượng và Quản lý tồn trữ thuốc	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	Thực tế ngành 3 (Nhà thuốc + Công ty Dược)	Chuyên đề Bảo chế	Chuyên đề Bđược lâm sàng	Điểm TBC HT	Xếp loại (Thang 4)	
		Số tín	chỉ			2	3	4	2	4	3	2	3	5	4	4	5	5	4	3	0	2	4	4	0	2	2	3	4	4	4	5	5	5	5	2	2		
		Thứ tự môn	học/mô-đun			-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	-17	-18	-19	-20	-21	-22	-23	-24	-25	-26	-27	-28	-29	-30	-31			
1	12A2	Trần Thị Ngọc	Anh	15/10/2004	Nữ	5,5	5,6	6,6	7,5	5,1	4,9	5,5	5,5	7,3	5,0	6,2	5,0	6,0	6,2	6,1	7,3	7,9	4,3	6,3	6,5	5,5	5,9	5,5	6,1	8,7	5,4	4,7	7,8	8,6	5,1		2,01 6,1	Trung bình	
2	12A9	Trần Việt	Anh	13/10/2004	Nam	5,1	8,4	5,3	7,7	5,5	5,4	4,9	5,9	6,5	6,0	5,0	4,5	5,5	6,4	6,9	7,9	7,1	7,4	5,6	7,1	7,9	5,4	7,0	4,4	7,1	7,4	5,0	7,1	8,5	5,3		2,06 6,2	Trung bình	
3	12A7	Đặng Nguyễn Hoàng	Dũng	10/01/2004	Nam	4,1	4,9	8,7	6,8	6,0	5,5	4,0	4,7	7,0	4,4	5,6	4,4	7,1	7,0	5,8	7,6	8,5	6,7	5,1	7,0	4,8	4,8	5,6	4,4	8,5	6,4	5,5	6,5	6,8	6,5		2,03 6,0	Trung bình	
4	12A9	Phùng Thị Thu	Hằng	12/9/2004	Nữ	4,7	7,2	6,0	7,7	5,3	6,0	5,8	6,4	7,3	5,8	5,9	7,3	7,1	5,6	5,7	8,0	9,0	6,4	5,6	8,0	5,7	4,6	6,5	7,0	9,0	8,5	5,6	8,1	9,5	6,4		2,52 6,7	Khá	
5	12A16	Đỗ Trung	Hiếu	23/12/2004	Nam	8,1	5,0	8,8	8,3	8,1	9,0	6,2	6,7	7,3	7,4	7,7	5,5	7,3	6,5	7,6	8,7	8,7	7,8	5,9	8,5	5,8	8,3	8,2	6,7	8,0	5,3	7,2	6,2	8,0	6,8		2,64 7,2	Khá	
6	12A16	Lục Minh	Hương	01/4/2004	Nữ	6,1	5,2	7,2	6,8	6,5	7,7	4,3	5,8	7,0	7,8	4,4	6,1	5,7	7,0	6,6	6,6	8,5	7,2	6,0	7,7	6,5	8,2	6,8	7,1	8,4	7,2	7,0	7,2	9,8	6,8		2,54 6,9	Khá	
7	12A5	Nguyễn Quốc	Khánh	01/9/2004	Nam	5,1	4,2	5,5	5,9	6,8	7,1	6,3	6,1	7,0	5,5	6,4	5,6	5,8	7,0	6,8	6,3	8,1	6,4	5,1	5,7	4,2	6,9	6,5	6,0	7,1	5,6	5,9	6,9	7,3	4,5		2,10 6,2	Trung bình	
8	12A3	Vũ Ngọc	Linh	01/11/2004	Nữ	6,8	5,8	5,8	7,9	5,5	8,5	6,1	7,4	6,7	4,9	6,5	5,7	6,3	7,3	7,2	7,6	9,3	7,1	5,1	8,5	4,8	4,7	8,3	8,3	8,7	8,0	6,5	7,9	9,2		B 7,6	2,51 6,9	Khá	

Người lập

Trưởng phòng ĐT & QLKH

Hiệu trưởng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Minh Xuyên



Nguyễn Đăng Trường

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH CAO ĐẲNG DƯỢC KHÓA 11 (XÉT ĐỢT 5)

(Kèm theo Quyết định số 914/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 12 năm 2025)

Áp dụng thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 (Đào tạo theo tin chỉ)

TT	Lớp sinh hoạt	Họ và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vi sinh - Ký sinh trùng	Giải phẫu sinh lý	Hóa phân tích	Pháp luật	Tiếng Anh cơ bản	Tin học	Hóa sinh	Bệnh học	Thực vật dược	Dược lý 1	Hoá Dược	Dược lý 2	Dược liệu	Bảo chế 1	Chính trị	GDQP-AN	Thực tế ngành 1 (trạm y tế Xã phường)	Dược lâm sàng	Bảo chế 2	Giáo dục thể chất	Thống kê y Dược	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản lý kinh tế dược	Kiểm nghiệm	Thực tế ngành 2 (Bệnh viện)	Pháp chế dược	Đảm bảo chất lượng và Quản lý tồn trữ thuốc	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	Thực tế ngành 3 (Nhà thuốc + Công ty Dược)	Chuyên đề Dược lâm sàng	Điểm TBC HT	Xếp loại (Thang 4)
		Số tin chỉ				2	3	4	2	4	3	2	3	5	4	4	5	5	4	3	0	2	4	4	0	2	2	3	4	4	4	5	5	5	2		
		Thứ tự				-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	-17	-18	-19	-20	-21	-22	-23	-24	-25	-26	-27	-28	-29	-31		
1	11A4	Nguyễn Đăng Văn	Anh	29/7/2003	Nữ	D 4.2	A 9.0	B 7.8	C 6.2	D 5.2	C 5.5	C 6.3	C 6.9	B 7.5	C 5.7	C 6.0	C 6.1	C 5.5	D 5.0	D 5.4	D 4.8	A 8.7	C 5.6	C 5.5	D 5.3	D 5.3	D 4.9	C 5.8	C 5.9	A 8.6	C 6.6	C 6.0	A 8.5	A 9.5	B 7.0	2.32 6.5	Trung bình
2	11A4	Nguyễn Trà	My	16/01/2003	Nữ	C 5.5	B 8.3	B 7.9	A 9.2	D 4.6	C 5.5	C 6.2	B 7.1	C 5.9	B 7.3	B 7.4	B 7.0	C 6.1	D 4.4	C 5.9	C 6.4	A 8.7	C 6.2	D 4.2	C 6.4	D 5.3	D 4.0	D 4.2	C 6.3	A 8.6	C 5.5	C 5.9	C 6.0	A 8.9	C 5.5	2.30 6.4	Trung bình

Người lập


Trần Thị Thanh Huyền

Trưởng phòng ĐT & QLKH


Nguyễn Minh Xuyên



Áp dụng thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017, Quyết định công nhận số: 914/QĐ - CĐYT ngày 17 tháng 12 năm 2025

Lớp: **CDD13A5**

Hình thức: Chính quy

Người lập



Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

[Handwritten signature]

Ths Nguyễn Minh Xuyên

Hiệu trưởng



Ts Nguyễn Đăng Trường

Áp dụng thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017, Quyết định công nhận số: 914/QĐ - CĐYT ngày 17 tháng 12 năm 2025

Lớp: **CDD13A8**
Hình thức: **Chính quy**

Người lập



Trưởng phòng Đào tạo và QLKH



Hiệu trưởng

Ts Nguyễn Đăng Trường

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH CĐ ĐIỀU DƯỠNG CQ KHÓA 14 (XÉT ĐỢT 2)

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT BLĐTB-XH ngày 30/3/2022, Quyết định công nhận số: 914/QĐ - CĐYT ngày 17 tháng 12 năm 2025

Ngành/Nghề: Điều dưỡng
Trình độ: Cao đẳng

Lớp: CDD14A2
Hình thức: Chính quy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Chính trị	GDQP-AN	Giải phẫu sinh lý	KHCB (Toán – Lý – Hóa)	Sinh học di truyền	Đạo đức nghề và Giao tiếp thực hành điều dưỡng	Dược lý	Vị sinh-Kỹ sinh trùng	Hóa sinh	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Ngoại ngữ (Anh, Đức, Nhật)	Tin học	Điều dưỡng cơ sở 1	Điều dưỡng nội khoa 1	Sức khỏe môi trường	Dinh dưỡng vệ sinh ATTP	Thực hành điều dưỡng cơ sở 1 tại bệnh viện	Điều dưỡng cơ sở 2	Giáo dục thể chất	Điều dưỡng nội khoa 2	Điều dưỡng Ngoại khoa 1	Điều dưỡng Ngoại khoa 2	Dịch tễ học và chăm sóc các bệnh Truyền nhiễm	Pháp luật	Điều dưỡng chuyên khoa	Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu	Điều dưỡng sản phụ khoa	Điều dưỡng Nhi khoa	Tiếng Anh chuyên ngành	Nghiên cứu khoa học	Thực tế ngành (TTTN)	Y học cổ truyền	Điều dưỡng cộng đồng	Quản lý điều dưỡng	Môn tự chọn Nhi	Điểm TBC HT	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	
		Số tín chỉ			3	0	3	3	2	3	2	2	2	2	4	3	4	2	2	2	2	5	0	4	2	4	4	2	3	2	5	5	2	2	5	2	3	3	3	2			
		Thứ tự môn học/mô-đun			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)				
1	CDD14A216	Nguyễn Văn Nghiêm	31/8/2004	Nam	C6.6	A8.8	C5.5	B8.4	B8.0	A8.7	B7.6	B7.2	C5.8	C6.1	C5.5	B7.9	A8.9	B7.2	C6.1	A8.6	A9.1	A9.1	A9.5	B7.3	B8.1	B8.1	B8.2	A8.8	A8.9	A9.1	A8.6	A9.1	B8.3	A9.0	A9.6	B8.4	A8.9	A9.0	A9.3	3.338.1		Giỏi	

Người lập

Ths Trương Thị Thu Thủy

Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Nguyễn Minh Xuyên

Hiệu trưởng

Ts Nguyễn Đăng Trường

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH CHỖ ĐIỀU DƯỠNG CQ KHÓA 14 (XÉT ĐỢT 2)

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT BLĐTB-XH ngày 30/3/2022, Quyết định công nhận số: 914/QĐ - CDYT ngày 17 tháng 12 năm 2025

Ngành/Nghề: Điều dưỡng
Trình độ: Cao đẳng

Lớp: CDD14A5
Hình thức: Chính quy

TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Chính trị	GDQP-AN	Giải phẫu sinh lý	KHCB (Toán – Lý – Hóa)	Sinh học di truyền	Đạo đức nghề và Giao tiếp thực hành điều dưỡng	Dược lý	Vị sinh-Kỹ sinh trùng	Hóa sinh	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Ngoại ngữ (Anh, Đức, Nhật)	Tin học	Điều dưỡng cơ sở 1	Điều dưỡng nội khoa 1	Sức khỏe môi trường	Dinh dưỡng vệ sinh ATTP	Thực hành điều dưỡng cơ sở 1 tại bệnh viện	Điều dưỡng cơ sở 2	Giáo dục thể chất	Điều dưỡng nội khoa 2	Điều dưỡng Ngoại khoa 1	Điều dưỡng Ngoại khoa 2	Dịch tễ học và chăm sóc các bệnh Truyền nhiễm	Pháp luật	Điều dưỡng chuyên khoa	Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu	Điều dưỡng sản phụ khoa	Điều dưỡng Nhi khoa	Tiếng Anh chuyên ngành	Nghiên cứu khoa học	Thực tế ngành (TTTN)	Y học cổ truyền	Điều dưỡng cộng đồng	Quản lý điều dưỡng	Môn tự chọn Sản	Điểm TBC HT	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)
		Số tín chỉ				3	0	3	3	2	3	2	2	2	2	4	3	4	2	2	2	2	5	0	4	2	4	4	2	3	2	5	5	2	2	5	2	3	3	2			
		Thứ tự môn học/mô-đun				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)			
1	CDD14 A503	Rần Mạnh Đạt	Đạt	08/10/2004	Nam	A	C	D	D	C	A	D	D	D	C	D	C	B	C	D	B	B	B	B	B	C	B	B	B	A	B	C	D	B	A	A	B	C	A	2.56		Khá	
						9.0	6.9	4.5	4.4	5.5	8.5	4.2	5.3	4.2	5.8	4.5	6.1	7.5	5.7	5.4	7.3	8.1	8.1	7.2	8.1	6.9	7.5	7.3	7.3	7.9	8.9	8.0	6.4	4.7	7.7	9.0	8.7	8.0	6.1	8.8	7.0		
2	CDD14 A504	Nguyễn Thị Thu Hà		28/10/2003	Nữ	A	B	D	B	D	A	D	C	C	D	C	D	C	C	C	C	B	C	B	B	C	B	C	B	B	B	A	C	D	B	A	A	B	B	B	2.54		Khá
						8.6	7.3	4.2	7.0	4.9	8.9	4.9	5.9	5.8	5.3	5.8	4.3	6.3	6.0	6.5	6.3	8.1	6.6	7.3	8.1	6.9	7.3	6.3	7.9	8.2	8.3	8.6	6.2	4.0	7.9	8.8	9.0	7.3	7.2	8.1	6.9		
3	CDD14 A505	Đỗ Hữu Hai	Hai	09/10/2003	Nam	A	B	D	C	B	A	C	D	D	C	D	D	C	C	B	B	B	C	B	B	C	B	B	B	B	A	B	C	D	B	A	A	B	C	B	2.53		Khá
						9.2	7.0	4.2	5.5	7.9	8.5	6.1	4.3	5.3	5.7	4.5	5.4	6.4	5.7	7.8	7.0	7.5	6.7	7.7	8.4	6.3	7.5	7.5	7.9	8.2	8.6	7.4	6.7	4.7	8.2	9.3	9.0	7.3	5.7	8.0	7.0		
4	CDD14 A508	Đặng Thị Lan	Lan	09/8/2004	Nữ	C	B	D	C	B	A	C	C	C	C	C	C	B	C	D	B	B	C	C	B	C	B	C	A	A	B	B	C	C	B	A	C	C	C	B	2.52		Khá
						6.1	7.5	4.5	6.7	7.3	8.5	6.1	6.6	5.7	5.9	6.0	5.7	7.1	5.7	4.7	7.1	8.1	6.7	6.7	8.4	6.3	8.1	6.9	8.7	8.5	8.3	8.1	6.1	5.5	7.9	8.7	5.9	6.3	5.5	7.9	6.9		
5	CDD14 A525	Lê Thị Trà My	My	06/4/2003	Nữ	A	B	D	C	B	A	C	C	C	D	D	D	B	C	C	B	B	C	C	B	C	B	B	B	A	B	C	B	D	B	A	B	B	C	B	2.56		Khá
						9.2	7.5	4.5	6.3	7.1	8.9	6.6	5.5	6.3	4.2	5.1	5.1	7.4	5.7	5.7	7.7	8.4	6.6	6.4	7.5	5.5	7.9	7.1	7.9	8.5	8.4	6.9	7.1	4.0	7.9	8.8	7.3	7.7	5.8	8.1	7.0		

Người lập

Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Hiệu trưởng

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH CHỈ ĐỀU DƯỠNG CQ KHÓA 14 (XÉT ĐỢT 2)

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT BLĐTB-XH ngày 30/3/2022, Quyết định công nhận số: 914/QĐ - CĐYT ngày 17 tháng 12 năm 2025

Ngành/Nghề: Điều dưỡng
Trình độ: Cao đẳng

Lớp: CDD14A7
Hình thức: Chính quy

T	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Chính trị	GDQP-AN	Giải phẫu sinh lý	KHCB (Toán – Lý – Hóa)	Sinh học di truyền	Đạo đức nghề và Giao tiếp thực hành điều dưỡng	Dược lý	Vì sinh-Kỹ sinh trùng	Hóa sinh	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Ngoại ngữ (Anh, Đức, Nhật)	Tin học	Điều dưỡng cơ sở 1	Điều dưỡng nội khoa 1	Sức khỏe môi trường	Dinh dưỡng vệ sinh ATTP	Thực hành điều dưỡng cơ sở 1 tại bệnh viện	Điều dưỡng cơ sở 2	Giáo dục thể chất	Điều dưỡng nội khoa 2	Điều dưỡng Ngoại khoa 1	Điều dưỡng Ngoại khoa 2	Dịch tễ học và chăm sóc các bệnh Truyền nhiễm	Pháp luật	Điều dưỡng chuyên khoa	Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu	Điều dưỡng sản phụ khoa	Điều dưỡng Nhi khoa	Tiếng Anh chuyên ngành	Nghiên cứu khoa học	Thực tế ngành (TTTN)	Y học cổ truyền	Điều dưỡng cộng đồng	Quản lý điều dưỡng	Môn tự chọn Nội	Điểm TBC HT	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	
		Số tín chỉ			3	0	3	3	2	3	2	2	2	2	4	3	4	2	2	2	2	2	5	0	4	2	4	4	2	3	2	5	5	2	2	5	2	3	3	2			
		Thứ tự môn học/mô-đun			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)				
1	CDD14A708	Nguyễn Duy Hiếu	18/9/2004	Nam	A	B	D	B	A	A	D	D	D	C	D	B	C	C	C	A	B	B	B	C	D	C	C	B	C	B	B	C	C	A	A	B	B	B	B	2.53		Khá	
					8.6	8.2	4.6	7.0	8.9	8.5	5.3	4.7	4.6	5.8	4.5	7.0	6.5	5.7	6.4	8.5	7.3	7.5	7.7	6.7	5.1	6.7	6.9	7.9	6.7	8.0	7.2	6.3	6.1	8.5	8.8	7.1	8.1	8.0	8.0	6.9			

Người lập

Ths Trương Thị Thu Thủy

Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Nguyễn Minh Xuyên

Hiệu trưởng

Ts Nguyễn Đăng Trường

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NGÀNH CHỈ ĐỀU DƯỠNG CQ KHÓA 14 (XÉT ĐỢT 2)

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT BLĐTB-XH ngày 30/3/2022, Quyết định công nhận số: 914/QĐ - CĐYT ngày 17 tháng 12 năm 2025

Ngành/Nghề: Điều dưỡng
Trình độ: Cao đẳng

Lớp: CDD14B2
Hình thức: Chính quy

T	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Chính trị	GDQP-AN	Giải phẫu sinh lý	KHCB (Toán – Lý – Hóa)	Sinh học di truyền	Đạo đức nghề và Giao tiếp thực hành điều dưỡng	Dược lý	Vi sinh-Kỹ sinh trùng	Hóa sinh	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Ngoại ngữ (Anh, Đức, Nhật)	Tin học	Điều dưỡng cơ sở 1	Điều dưỡng nội khoa 1	Sức khỏe môi trường	Dinh dưỡng vệ sinh ATTP	Thực hành điều dưỡng cơ sở 1 tại bệnh viện	Điều dưỡng cơ sở 2	Giáo dục thể chất	Điều dưỡng lão khoa	Điều dưỡng nội khoa 2	Điều dưỡng Ngoại khoa 1	Điều dưỡng Ngoại khoa 2	Dịch tễ học và chăm sóc các bệnh Truyền nhiễm	Pháp luật	Điều dưỡng chuyên khoa	Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu	Điều dưỡng sản phụ khoa	Điều dưỡng Nhi khoa	Tiếng Nhật chuyên ngành	Thực tập chăm sóc lão khoa tại viện dưỡng lão	Nghiên cứu khoa học	Thực tế ngành (TTTN)	Y học cổ truyền	Điều dưỡng cộng đồng	Quản lý điều dưỡng	Môn tự chọn Nội	Điểm TBC HT	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	
		Số tín chỉ			3	0	3	3	2	3	2	2	2	2	4	3	4	2	2	2	2	5	0	2	4	2	4	4	4	2	3	2	5	5	2	4	2	5	2	3	3	2			
		Thứ tự môn học/mô-đun			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)				
1	CDD14 B202	Nguyễn Thị Vân Anh	08/11/2002	Nữ	C	B	D	C	B	C	B	C	D	C	C	C	C	C	C	B	B	C	A	B	A	C	A	B	B	B	B	B	B	C	A	A	A	A	A	A	A	2.82		Khá	
					6.3	7.8	4.9	5.8	7.3	6.3	8.4	5.9	5.1	5.9	6.1	6.1	6.8	5.7	6.1	7.5	8.1	6.5	8.8	7.0	9.0	6.3	8.7	7.7	8.0	7.9	8.4	7.3	8.0	5.7	9.0	8.9	9.2	8.9	9.0	8.7	9.0	7.4			

Người lập

Ths Trương Thị Thu Thủy

Trưởng phòng Đào tạo và QLKH

Ths Nguyễn Minh Xuyên

Hiệu trưởng



Ts Nguyễn Đăng Trường